

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: 152 /VKNQG-TCHC
V/v mời báo giá dịch vụ sửa chữa, di chuyển
Container, thu nhỏ lán để xe, tháo dỡ lắp đặt nhà
chứa rác và làm vách ngăn phòng 113

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Sửa chữa, di chuyển Container, thu nhỏ lán để xe, tháo dỡ lắp đặt nhà chứa rác và làm vách ngăn phòng 113;

Trân trọng kính mời các đơn vị cung cấp dịch vụ quan tâm, chào giá theo các nội dung yêu cầu như sau:

1. Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ sửa chữa, di chuyển Container, thu nhỏ lán để xe, tháo dỡ lắp đặt nhà chứa rác và làm vách ngăn phòng 113.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm và thời gian thực hiện:

- Địa điểm: 65 Phạm Thận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Thời gian thực hiện: Tháng 7 năm 2026.

3. Nội dung yêu cầu đối với bản báo giá:

- Năng lực của đơn vị cung cấp dịch vụ;
- Giá trị của báo giá: Giá đơn vị cung cấp dịch vụ chào đã bao gồm đầy đủ các chi phí để hoàn thành công việc: các loại thuế, phí theo quy định, chi phí vận chuyển; chi phí đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, các nội dung khác theo quy định của pháp luật.... để hoàn thành công việc theo yêu cầu của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (Viện), bên Viện không phải trả thêm bất kỳ chi phí nào khác;

- Đồng tiền (VNĐ);

- Hiệu lực của báo giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá;

- Hồ sơ đính kèm (nếu có) chứng minh năng lực thực hiện.

4. Địa điểm và thời gian tiếp nhận báo giá:

- Thời hạn nhận báo giá kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 13 tháng 7 năm 2026;

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét;

- Phương thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp bản cứng có chữ ký, dấu đỏ bằng tiếng

Việt tại địa chỉ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;

- Bộ phận, người liên hệ tiếp nhận báo giá: Bộ phận quản trị, Phòng Tổ chức – Hành chính;

- Số điện thoại: 02439335741;

- Nhà thầu sẽ được Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia liên hệ qua các hình thức như: điện thoại, Email, Fax hoặc bằng văn bản để thông báo hoặc trao đổi các nội dung liên quan đến công việc (nếu cần).

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, kính mời các nhà thầu cung cấp dịch vụ; quan tâm gửi chào giá theo thời gian và địa chỉ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCHC.



Lê Thị Phương Thảo

PHỤ LỤC CHI TIẾT NỘI DUNG, DANH MỤC, SỐ LƯỢNG

(Kèm theo Công văn mời báo giá số **152** /VKNQG-TCHC ngày **09** tháng **7** năm 2026)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Phần di chuyển container + thu nhỏ lán để xe				
1	Chặt hạ cây thực hiện chủ yếu bằng thủ công. Đường kính cây 25 cm. Vận chuyển về nơi quy định	cây/lần	1,0		
2	Dọn dẹp đồ đạc và rác thải vi trí đặt container	công	3,0		
3	Cắt tĩa chân cột thép	mạch	15,0		
	Cột: $5 \times 2 = 10$				
	Cắt conson đỡ cột: $5 = 5$				
4	Tháo dỡ các kết cấu thép, cột thép	tấn	0,124		
	Cột thép fi90: $3 \times 3 \times 0,09 \times 3,14 \times 0,003 \times 7850 / 1000 = 0,06$				
	Thanh đỡ và xà gồ thép hộp 60*60: $(5 \times 2 + 7) \times 0,24 \times 0,002 \times 7850 / 1000 = 0,064$				
5	Cắt tôn bằng máy cắt cầm tay	md	7,0		
6	Hàn nối kéo dài cột thép fi 90. hàn bản mã thép KT 200*200*10	cột	5,0		
7	Lắp đặt cột thép gia cố các loại	tấn	0,140		
	Cột thép fi90: $3 \times 3 \times 0,09 \times 3,14 \times 0,003 \times 7850 / 1000 = 0,06$				
	Thanh đỡ và xà gồ thép hộp 60*60: $(3 \times 2 + 7) \times 0,24 \times 0,002 \times 7850 / 1000 = 0,049$				
	Bản mã: $10 \times 0,2 \times 0,2 \times 0,01 \times 7850 / 1000 = 0,031$				
8	Phun sơn vào các mối hàn bằng sơn xịt	lọ	1,0		
9	Ván khuôn đổ bê tông nền móng để Container	m2	3,760		
	$(6,8 + 2,6) \times 2 \times 0,2 = 3,76$				
10	Bê tông bệ đỡ container, đá 1x2, vữa BT M250, PCB30	m3	1,768		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	$6,8*2,6*0,1 = 1,768$				
11	Láng xoa phẳng bề mặt, chiều dày 2cm, vữa XM M75, PCB30	M2	17,680		
	$6,8*2,6 = 17,68$				
12	Trải tấm nilong tránh hiện tượng hút nước xi măng	M2	20,0		
13	Cầu vận chuyển container, trạm tủ điện bằng cầu 50 tấn, xe chuyên chở	Gói	1,0		
II	Phân tháo dỡ nhà rác				
14	Tháo dỡ các kết cấu thép, vì kèo, xà gồ	Tấn	0,534		
	Cột 90*90: $3*4*0,36*0,002*7850/1000 = 0,068$				
	Vì kèo: hộp 40*80: $4*6*0,24*0,002*7850/1000 = 0,09$				
	xà gồ hộp 50*50: $(5*8+4*12)*0,2*0,002*7850/1000 = 0,276$				
	Cột thép nhà xe: $2*50/1000 = 0,1$				
15	Tháo tấm lợp tôn	100m2	0,648		
	$(4*4*2,8+5*4)/100 = 0,648$				
16	Lắp đặt giằng làm vách cột	Tấn	0,385		
	Cột 90*90: $3*4*0,36*0,002*7850/1000 = 0,068$				
	xà gồ: 50*50: $(2,6*12+7*4+0,5*3)*0,2*0,002*7850/1000 = 0,191$				
	khung cửa: 50*50: $2*20*0,2*0,002*7850/1000 = 0,126$				
17	Lợp thay thế mái loại tấm lợp tấm tôn (tận dụng tôn cũ) bổ sung vật tư phụ, keo, vít, ...	M2	50,40		
	$(7+2,6*3)*3 = 44,4$				
	mái: $2*3 = 6$				
18	Bổ sung bản lề, tay khóa cửa	Bộ	2,0		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
19	Lắp tai khóa cửa	Bộ	2,0		
20	Lắp bộ ke (1 bộ 4 cái) cửa đi	Bộ	2,0		
21	Bổ sung thêm thép, tôn, máng (tạm tính thanh toán theo thực tế)	Gói	1,0		
22	Ván khuôn đổ bê tông nền móng nhà rác	M2	6,640		
	$(7*2+2,6)*2*0,2 = 6,64$				
23	Bê tông bệ đỡ nhà rác KT 7*2,6M, đá 1x2, vữa BT M250, PCB30	M3	1,820		
	$7*2,6*0,1 = 1,82$				
24	Láng xoa phẳng bề mặt, chiều dày 2cm, vữa XM M75, PCB30	M2	18,20		
	$7*2,6 = 18,2$				
III	Ngăn phòng				
25	Lắp đặt tấm nhựa ngăn phòng 113 bằng tấm nhựa 2 mặt khổ dày 2,6cm* rộng 40cm *dài 3m/3,5m chịu đc lực va đập và chống ồn	M2	19,380		
	$3,4*5,7 = 19,38$				
26	Đục tường Di chuyển bộ điều khiển treo tường điều hòa ra vị trí khác	Công	1,0		